

Số: 11/2020/QĐST-DS

B, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn*:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B;

2. Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1954; địa chỉ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ: bà Trần Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị T và ông Lê Thành Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.026.616.000đ (hai tỷ không trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng). Trong đó: tiền vốn 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng), tiền lãi 126.616.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng). Thời gian trả tiền được tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% $\{[72.000.000đ + (26.616.000đ \times 2\%)] \times 50\%\}$: 36.266.160đ (ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi đồng) bà Trần Thị T và ông Lê Thành Đ Đ ý liên đới nộp. Tuy nhiên do bà T và ông Đ thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền (phải nộp theo quy định) là 18.133.080đ (mười tám triệu một trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng). Do đó, bà T và ông Đ chỉ phải liên đới nộp số tiền (tự nguyện nộp thay cho bà H) là 18.133.080đ (mười tám triệu một trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.260.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008771 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh B;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên